

SƠ LƯỢC THI CỬ NGÀY XƯA

CHƯƠNG BA

VĂN CHƯƠNG THI CỬ (thời Nguyễn)

PHỤ LỤC “B”

VÀI BÀI PHÚ

Hàn Nho Phong Vị Phú (Nguyễn Công Trứ)

Chém cha cái khó!

Chém cha cái khó!

Khôn khéo mấy ai?

Xấu xa một nó!

Lục cực bày hàng sáu, rành rành kinh huân chẳng sai,

Vạn tội lấy làm đầu, ấy ấy ngạn ngôn hẵn có.

Kìa ai:

Bốn vách tường mo,

Ba gian nhà cỏ.

Đầu kèo một đực vẽ sao,

Trước cửa nhện giăng màn gió.

Phên trúc ngăn nửa bếp nửa buồng,

Ổng nira đựng đầu kê đầu đỗ.

Đầu giường tre, mối dũi quanh co,

Góc tường đất, giun đùn lỗ nhỏ.

Bóng nắng dọi trụng gà bên vách, thằng bé tri tro,

Hạt mưa soi hang chuột trong nhà, con mèo ngáp ngó.

Trong cũi, lợn nằm gặm máng, đôi chẳng muốn kêu,

Đầu giàn, chuột cạy khua niêu, buồn thôi lại bỏ.

Ngày ba bữa, vỗ bụng rau bịch bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no,
Đêm năm canh, an giấc ngáy kho kho, đời thái bình của thường bỏ ngỏ.
Ấm trà góp lá bàng lá vối, pha mùi chát chát chua chua,
Miếng trâu tằm vỏ mạn vỏ dề, buồn miệng nhai nhai nhỏ nhỏ.

Áo vải thô nặng trĩch, lạnh làm mền, nức làm gối, bốn mùa thay đổi bấy nhiêu,
Khăn lau giặt đồ lòm, giặt làm chiếu, vận làm quần, một bộ ăn chơi quá thú.
Đỡ mồ hôi, vông lác, quạt mo,
Chống hơi đất, dềp da, guốc gỗ.
Miếng ăn sẵn cà non ướp lược, ngon khéo là ngon,
Đồ chơi nhiều quạt sậy điệu tre, của đâu những của.
Đồ chuyên trà, ấm đất sứ vôi,
Cuộc uống rượu, be sành chấp cổ.
Đồ cổ khí bức tranh treo trên vách, khói bay lem luốc, màu thủy mặc lờ mờ,
Của tiểu đồng pho sách gác đầu giàn, gián nhám lăm nhăm, dấu thổ châu đo đo.
Cổ bài lá, ba đời cửa tướng, hàng văn sách mập mờ,
Bàn cờ sừng, bảy kiếp nhà ma, chữ nhật chữ điền xiêu xó.
Lộc nhĩ điền lúa chát đầy rương,
Phương tịch cốc khoai vừa một rổ.
Tiêu dụng lấy chi mà phao phóng, thường giữ ba cọc ba đồng,
Mùa màng dành để có bao nhiêu, chừng độ một chiêng một bó,
Mỏng lưng xem cũng không giàu,
Nhiều miệng lấy chi cho đủ.

Phương tịch cốc khoai vừa một rổ.
Tiêu dụng lấy chi mà phao phóng, thường giữ ba cọc ba đồng,
Mùa màng dành để có bao nhiêu, chừng độ một chiêng một bó,
Mỏng lưng xem cũng không giàu,
Nhiều miệng lấy chi cho đủ.
Đến bữa chưa sẵn bữa, con trẻ khóc dường ong,
Quá kỳ lại hẹn kỳ, nhà nợ kêu như ó.
Thuốc men rấp bòn chài gỡ bữa, song nghĩ câu ý đã, thế nào cho đáng giá lương y,
Thầy bà mong dôi trá kiếm ăn, lại nghĩ chữ dừng như, phép chi được nổi danh pháp chủ.
Quẻ đã hạc toan nhờ lộc thánh, trút muối đổ biển, ta chẳng bỏ bèn,

Huyết chân long toan bán đất trời, ngôi mả táng cha, tìm còn chữa chỗ.
Buôn bán rấp theo nghề đỡ, song lạ mặt, chúng hòng rước gánh, mập mờ nên hàng
chẳng có lời,
Bạc cờ toan gỡ con đen, chưa sẵn lưng, làng lại dành nơi, hỏi gạn mãi giậm không
ra thỏ.
Gấp khúc lươn, nên ít kẻ yêu vì,
Gương mắt ếch, biết vào đâu mượn mõ.
Đến lúc niên chung nguyệt quý, lấy chi tiêu đồng nợ đồng công?
Gặp khi đường xẩy chân cùng, nên phải tới cửa này cửa nợ.
Thân thi to to nhỏ nhỏ, ta đã mõi căng ngời trì,
Dần dà nợ nọ kia kia, nó những vượt râu làm bộ.
Thầy tớ sợ men tìm đến cửa, ngảnh mặt cúi đầu,
Chị em e vất lấm vào lưng, chìa môi nhợn mỗ.
Láng giềng ít kẻ tới nhà,
Thân thích chẳng ai nhìn họ.
Mất việc toan đỡ nghề cơ tắc, túi con nhà mà hổ mặt anh em,

Mất việc toan đỡ nghề cơ tắc, túi con nhà mà hổ mặt anh em,
Túng đường mong quyết chí cùng tư, e phép nước chưa nên gan sừng sỏ.
Cùng con cháu thuở nói năng chuyện cũ, đường ngâm câu lạc đạo vong bản,
Gặp anh em khi bàn bạc sự đời, lại đọc chữ vì nhân bất phú.
Tất do thiên, âu phận ấy là thường,
Hữu kỳ đức, ắt trời kia chẳng phụ.
Tiếc tài cả phải phận ngư hầu bản trúc, dẫu xưa ông Phó ông Hề,
Cần nghiệp kho khi tạc bích tự huỳnh, thuở trước chàng Khuông chàng Vũ.
Nơi thành hạ đeo cần câu cá, kìa kìa người quốc sĩ Hoài âm,
Chốn lý trung xách thớt chia phần, nợ nọ đáng mưu thần Dương võ.
Khó ai bằng Mãi Thần Mông Chính, cũng có khi ngựa cười dù che,
Giàu ai bằng Vương Khải Thạch Sùng, cũng có hội tường xiêu ngói đổ.

Mới biết:
Khó bởi tại trời,
Giàu là cái số.

*Dầu ai ruộng sâu trâu nái, đụn lúa kho tiền,
Cũng bắt quá thủ tài chi lỗ.*

Phú Hồng Khoa Canh Tý (Tú Xương)

*Dau quá đòn hằn;
Rát hơn lửa bỏng.*

*Hồ bút hồ nghiên;
Tủ lều tủ chõng.*

*Nghĩ đến chữ “lương nhân đắc ý” thêm nổi thẹn thùng;
Ngẫm đến câu “quyển thổ trùng lai” nói ra ngập ngọng.*

*Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn bà con trẻ nói vậy mà thiêng;
Nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài bằng nhãn thám hoa lỡ ra cũng hồng.*

*Có một thầy:
Dốt chẳng dốt nào;
Chữ hay, chữ lỏng.*

*Nghieten chè nghieten rượu, nghieten cả cao lâu;
Hay hát hay chơi, hay nghề xuống lỏng.*

*Quanh năm phong vận, áo hàng tàu, khăn nhiễu tím, ô lục soạn xanh;
Ra phố nghênh ngang, quần tố nữ, bút tất tơ, giày Gia Định bóng.*

*Giá cứ chăm nghề đèn sách thì mười lăm mười sáu đổ tự bao giờ;
Chỉ vì quen lối thị thành, nên một tuổi một già, hoá ra lỏng đóng.*

*Tú rót bằng giữa năm Giáp Ngọ, nổi tiếng tài hoa;
Con nhà dòng ở đất Vị Xuyên, ăn phần cảnh nọng.*

*Năm vua Thành Thái mười hai;
Lại mở khoa thi Mĩ Trọng.*

*Kì đệ tam văn đã viết rồi;
Bảng đệ tứ chưa ra còn ngóng.*

*Thầy chắc hẳn văn chương đúng mực, lễ thánh xem giò;
Cô mừng thăm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng.*

*Sáng đi lễ phật, còn kì này kì nữa là xong;
Đêm dậy vái trời, qua mông bốn mông năm cho chóng.*

*Nào ngờ:
Bảng nhỏ có tên,
Ngoại hàm còn trống.*

*Kẻ đến sáng văn còn được chấm, bảng cốt nghênh ngang;
Người ngồi khuya tên hãy được vào, áo dài lưng thụng.*

*Thi là thế, học hành là thế, trò chuyện cùng ai?
Người một nơi, hồn phách một nơi, than thân với bóng!*

*Thôi thôi thôi:
Sáng vỡ mặt mờ;
Văn chương lóng ngóng.*

*Khoa trước đã chầy;
Khoa sau ắt chóng.*

*Hắn có kẻ lo toan việc nước, vua chữa dùng tài;
Hay không ai dạy dỗ đàn con, trời còn bắt hồng!*

(Canh Tý tức năm 1900)

Phú Ông Đồ Ngông (Nguyễn Khuyến)

Bốn cồng kê giường;
Vài chồng cặp sách.
Cơm trắng canh ngon;
Ghế cao chiếu sạch.
Chữ thánh phù;
Câu thiên tích.
Chậu thau rửa mặt, tầm vào tầm vênh;
Điều sứ long đờm, cóc ca cóc cách.
Thần Cầu Cây xôi gà tùy thích, ông đã nên ông;
Bụt Nam Sơn oản tẻ chẳng từ, khách thời mặc khách.

Nguyên phù thầy đồ dã giả:
Râu ria nhẵn nhụi;
Mặt mũi ngông nghênh.
Văn pha “Nguyên mặc”;
Sách học “Quan hành”.
Chạy gạo chạy tiền, thất điên bát đảo;
Làm gà làm vịt, tứ đốm tam khoanh.
Số tử vi tuần triệt đương đầu, qua vòng vận hạn;
Đất văn học thần đồng phụ nhĩ, may bước công danh.

Nhiên nhi:
Mình lính tính quan;
Khôn nhà đại chợ.
Chơi đã hay ranh;
Cạnh còn mắc hớ.
Vài khoa thi hồng xót ruột tiền cơm;
Mấy tháng công non, bầm gan thóc nợ.
Vách ông Khổng còn hòm khoa đầu, mở một vài con;
Ngõ thầy Nhan treo túi đàn biều, bảo dăm ba đứa.
Nón sơn úp ngực, đi liễu đi liều;
Bút thuỷ cài tai, sồn sớ sồn sở.
Nghĩ sênh nhà ra thất nghiệp, cũng bật như cười;
E nằm mát ăn bát đây, ai nuôi không hớ?

Rằng:
Tôi nhà chủ, xin rước thầy ngồi.
Trầu nước đoạn, rượu chè rồi;
Bàn tiền đồn;
Tính cơm nuôi.
Chủ rằng đạo thánh là đạo rộng;
Thầy rằng tuy ông còn tuy tôi!
Mặt chữ điền vác hấn lên trên, nét đầu có nét!
Chiếu hàm trượng vắt ngay ngôi giữa, ngôi đã nên ngôi.
Thầy đồ thầy lẽ;
Học trò học troệt!
Nghịch như ma;
Đánh như két.
Bộ Sử đầu ;
Pho Dương tiết.
Mẹo hỏi lục kỳ;

Bài ra tam kiệt.
“Đô đô bình trượng ngã;
Thiết thiết phản nhân thiết.”
Chữ tứ thể lắm vài bốn lối, nét cứ như đanh;
Sách thập khoa quên đủ mười bài, văn tro như thép.
Mô, tê, răng, rứa;
Giả, dã, chi, hò.
Hoặc cầm roi nhi quát tháo;
Hoặc nghe sách nhi gật gù.
“Sử tiên ban, sử tiên cung”, bắt khoan bắt nhặt;
“Tiền diệc tặc, hậu diệc tặc”, tiếng nhỏ tiếng to.
Nước chè tàu uống một vài hơi, mặt cán tàn chỉ thẳng;
Thuốc lá tỉnh hút dăm ba điếu, đầu tán lọng chỉ rù.

Dĩ nhi:
Xem sách xem văn;
Chăm bài chăm đối.
Lên mặt thầy, sổ tựa bầm bầu;
Bụng mắt chủ, khuyên như lời tới.
Hạ bút xuống tô tô đậm đậm, mực trát đen sì;
Giở bài ra đọc đọc ngâm ngâm, son hoà đỏ chói.
Lương nguyệt đón lại nài nhất đệ, bàn mỏng bàn dày;
Tiền hương khoa toan bỏ đồng môn, thu chầy thu cối.

Dĩ nhi:
Khăn bỏ đầu riu;
Quần xoay lá toạ.
Ôm bụng nằm mèo;
Nhe răng nói quạ.
Cầm quyền sách ngủ gà ngủ gật, đầu canh hai đã chực đi nằm;
Ra tiệc ngồi mắt trước mắt sau, cổ bàn nhất lại toan đánh cả.
Cổ cò ngóng gái, “phụng thỉnh như lai”;
Tay vệt vẽ bùa, “phó lô thiêu hoá”.
Cũng có lúc:
Việc làng việc họ;
Về cửa về nhà.
Bàn giang đờ;
Tính trừ trà.
Thầy nài nằm thêm dăm tiền nữa;

Chủ kéo cò đưa mấy đồng ra.
Ruột tượng thất lung, nguyên đồ khó rạn;
Khăn tay giặt rón, rất giống cau già.
Cực nổi người mặt nước chân mây, miếng com chênh mảng;
Giở truyện chủ đầu cua tai muối, chén rượu khề khà.